

QUYẾT ĐỊNH

VỀ VIỆC QUY ĐỊNH GIÁ THU MỘT ĐƠN VỊ MÁU TOÀN PHẦN, CHẾ PHẨM MÁU ĐẠT TIÊU CHUẨN

Căn cứ Luật khám bệnh, chữa bệnh số 15/2023/QH15 ngày 19 tháng 01 năm 2023;

Căn cứ Luật Dược số 105/2016/QH13 ngày 06 tháng 4 năm 2016;

Căn cứ Luật giá số 11/2012/QH13 ngày 20 tháng 6 năm 2012;

Căn cứ Nghị định số 177/2013/NĐ-CP ngày 14 tháng 11 năm 2013 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Giá; Nghị định số 149/2016/NĐ-CP ngày 11 tháng 11 năm 2016 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 177/2013/NĐ-CP ngày 14 tháng 11 năm 2013 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Giá;

Căn cứ Thông tư số 25/2014/TT-BTC ngày 17 tháng 02 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định phương pháp định giá chung đối với hàng hoá, dịch vụ;

Căn cứ Nghị định số 60/2021/NĐ-CP ngày 21 tháng 6 năm 2021 của Chính phủ quy định cơ chế tự chủ của đơn vị sự nghiệp công lập;

Căn cứ Thông tư 56/2022/TT-BTC ngày 16 tháng 9 năm 2022 hướng dẫn một số nội dung về cơ chế tự chủ tài chính của đơn vị sự nghiệp công lập; xử lý tài sản, tài chính khi tổ chức lại, giải thể đơn vị sự nghiệp công lập;

Căn cứ Thông tư số 15/2023/TT-BYT ngày 20 tháng 7 năm 2023 về việc quy định giá tối đa và chi phí phục vụ cho việc xác định giá một đơn vị máu toàn phần, chế phẩm máu đạt tiêu chuẩn;

Căn cứ Quyết định số 3465/2006/QĐ-UBND ngày 25 tháng 12 năm 2006 của Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Bình về việc nâng cấp Bệnh viện đa khoa huyện Quảng Trạch thành Bệnh viện đa khoa khu vực Bắc Quảng Bình; quy định chức năng nhiệm vụ quyền hạn và tổ chức bộ máy;

Theo đề nghị của Trưởng phòng Tài chính kế toán.

QUYẾT ĐỊNH

Điều 1. Ban hành giá thu một đơn vị chế phẩm máu đạt tiêu chuẩn như sau (Phụ lục đính kèm):

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 3. Trưởng phòng Tài chính Kế toán, Trưởng các khoa, phòng đơn vị liên quan thuộc Bệnh viện đa khoa khu vực bắc Quảng Bình chịu trách nhiệm thi hành quyết định này.

Nơi nhận:

- BGĐ Bệnh viện;
- Các khoa, phòng;
- Lưu TC-KT.



GẤM ĐÓC

Nguyễn Viết Thái

Phụ Lục
(Theo Quyết định số 141/2024/QĐ-BV ngày 02 tháng 4 năm 2024)



STT	Chế phẩm máu	Thể tích thực (ml) (+ 10%)	Giá thu/một đơn vị (ĐVT: đồng)	Trong đó		Ghi chú
				Bảo hiểm y tế thanh toán	Chi phí vận chuyển, bảo quản các chế phẩm (người bệnh cùng chi trả)	
I	Các chế phẩm hồng cầu theo thể tích					
1	Khối hồng cầu từ 100ml máu toàn phần	70	328.800	288.000	40.800	Phụ lục 1
2	Khối hồng cầu từ 150ml máu toàn phần	110	454.800	414.000	40.800	Phụ lục 2
3	Khối hồng cầu từ 200ml máu toàn phần	145	576.800	536.000	40.800	Phụ lục 3
4	Khối hồng cầu từ 250ml máu toàn phần	180	913.800	868.000	45.800	Phụ lục 4
5	Khối hồng cầu từ 350ml máu toàn phần	230	1.031.800	986.000	45.800	Phụ lục 5
6	Khối hồng cầu từ 450ml máu toàn phần	280	1.129.800	1.084.000	45.800	Phụ lục 6
II	Các chế phẩm huyết tương tươi đông lạnh theo thể tích					
1	Huyết tương tươi đông lạnh 100ml	100	273.000	163.000	110.000	Phụ lục 7
2	Huyết tương tươi đông lạnh 150ml	150	299.000	189.000	110.000	Phụ lục 8
3	Huyết tương tươi đông lạnh 200ml	200	406.000	296.000	110.000	Phụ lục 9
4	Huyết tương tươi đông lạnh 250ml	250	473.000	363.000	110.000	Phụ lục 10
III	Chế phẩm huyết tương đông lạnh theo thể tích					
1	Huyết tương đông lạnh 100ml	100	238.000	128.000	110.000	Phụ lục 11
2	Huyết tương đông lạnh 150ml	150	289.000	179.000	110.000	Phụ lục 12
3	Huyết tương đông lạnh 200ml	200	346.000	236.000	110.000	Phụ lục 13
4	Huyết tương đông lạnh 250ml	250	393.000	283.000	110.000	Phụ lục 14